

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn  
tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 610/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 11 năm 2025, Báo cáo thẩm định số 373/BC-STP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Sở Tư pháp và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh (Văn bản lấy ý kiến số 3766/VP.UBND-TC ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh).*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định cụ thể mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao khu vực

biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao khu vực biển.

**Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030**

1. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển như sau:

a) *Nhóm 1:* Sử dụng khu vực biển để nhận chìm: 20.000 đồng/m<sup>3</sup>;

b) *Nhóm 2:* Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.500.000 đồng/ha/năm;

c) *Nhóm 3:* Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển: 7.500.000 đồng/ha/năm;

d) *Nhóm 4:* Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, cáp điện: 7.500.000 đồng/ha/năm;

đ) *Nhóm 5:* Sử dụng khu vực biển để xây dựng cảng cá: 7.500.000 đồng/ha/năm. Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản: 4.000.000 đồng/ha/năm.

e) *Nhóm 6:* Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 7.500.000 đồng/ha/năm.

2. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo mức thu tiền sử dụng khu vực biển nêu tại Khoản 1 Điều này, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các địa phương có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu có biển và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - Văn phòng Chính phủ;
  - Vụ pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
  - Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
  - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
  - CT, các PCT UBND tỉnh;
  - UBMTTQ VN tỉnh và các TC CT-XH;
  - Cổng thông tin điện tử Tỉnh;
  - Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh QN;
  - V0-4, TM3, QLĐĐ, NLN, TH;
  - Lưu: VT, TM7.
- 02b, QĐ-qppl

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Công**